

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN
GS. TRẦN THUYẾT - PGS. TS. NGUYỄN NHƯỘC KIM

ÔN BỆNH



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

UYÊN
MIÊU

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN
GS. TRẦN THUY
PGS. TS. NGUYỄN NHƯỘC KIM

ÔN BỆNH

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 2005

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi biên soạn phần Ôn bệnh - là phần nằm trong chương trình giảng dạy cho các sinh viên và học viên của các bậc học sau đại học của chuyên ngành Y học cổ truyền, nhằm giúp người đọc tham khảo thêm những Y văn kinh điển về những chứng bệnh thường gặp đặc biệt trong các bệnh ngoại cảm có sốt và những bệnh truyền nhiễm của y học cổ truyền.

Cơ sở biên soạn chủ yếu của chúng tôi dựa trên cuốn Ôn bệnh của Diệp Thiên Sĩ (1667 - 1746) cuối đời nhà Thanh - Trung Quốc và Ôn dịch luận của Ngô Hựu Khả (1587 - 1657) cuối đời Minh - đầu đời Thanh Trung Quốc, cùng với các tác giả Việt Nam như Ôn bệnh biệt nam của Nguyễn Gia Phan (1814) và một số tác giả khác ...

Chúng tôi biên soạn cuốn "Ôn bệnh" là nằm trong chương trình nghiên cứu kế thừa vốn quý của Y học cổ truyền phương Đông - của Bộ Y tế. Kiến thức của người xưa rất rộng, ngôn từ nhiều nghĩa nên biên soạn những sách kinh điển là vấn đề khó khăn. Do vậy trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi sai sót rất mong được sự đóng góp của các đồng nghiệp, để hy vọng những lần biên soạn sau được hoàn chỉnh hơn.

Các tác giả

KHÁI NIỆM

1 - ĐỊNH NGHĨA

Ôn bệnh là các bệnh cảm phải ôn tà. Ôn bệnh nằm trong phạm trù của bệnh ngoại cảm, bệnh có tính chất nhiệt như: Nóng, khát, miệng khô, mồ hôi ra nhiều họng háo, tâm phiền, đại tiện táo, xuất huyết, điên cuồng, mê sảng, co giật, mạch sắc v.v...

2. ÔN BỆNH VÀ ÔN DỊCH

Ôn bệnh là bệnh lẻ tẻ từng người, ôn dịch là bệnh hàng loạt người bị, Chu Dương Tuấn nói: Một người bị bệnh gọi là ôn, một địa phương nhiều người bị bệnh giống nhau gọi là dịch.

3. PHÂN LOẠI

Ôn bệnh là do ôn tà gây nên nhưng mỗi ôn tà gặp các thời tiết (quý tiết) khác nhau phát sinh ra bệnh khác nhau. Cho nên dựa vào thời tiết khác nhau mà chia ra các bệnh sau:

3.1. PHONG ÔN (PHONG ÔN BỆNH ĐỘC).

Bệnh xuất hiện cuối đông (đông mật) và đầu xuân (xuân sơ)

Khí hậu có nhiều gió (phong) và ẩm (ôn) kết hợp gây bệnh.

3.2. XUÂN ÔN (XUÂN ÔN BỆNH ĐỘC).

Bệnh xuất hiện giữa mùa xuân

3.3. THỬ ÔN (THỬ ÔN BỆNH ĐỘC).

Bệnh xuất hiện mùa hạ vì mùa hạ có nắng nhiều (thử).

3.4. THẤP ÔN (THẤP ÔN BỆNH ĐỘC).

Bệnh xuất hiện ở trưởng hạ (cuối hạ) vì cuối hạ có mưa nhiều (thấp).

3.5. THU TÁO

Bệnh xuất hiện ở mùa thu vì mùa thu khí hậu khô hanh.

3.6. PHỤC THỬ.

Bệnh xuất hiện bệnh ở mùa thu và mùa đông.

3.7. ĐÔNG ÔN.

Bệnh xuất hiện mùa đông, mùa đông thường là khí hậu lạnh nhưng lại nóng (ôn) gọi là trái tiết.

3.8. ÔN ĐỘC.

Bệnh xuất hiện ở hai mùa đông xuân, xuất hiện những chứng cục bộ sưng nóng đỏ đau, nặng thì vỡ lở loét.

PHẦN I

CHẨN TRỊ ÔN BỆNH

Chương I

BỆNH PHONG ÔN

I. ĐẠI CƯƠNG

Phong ôn là bệnh ôn nhiệt phát ở hai mùa Đông - Xuân, do cảm phải độc tà phong nhiệt mà gây ra, cho nên gọi là phong ôn. Đặc trưng của nó là khí mới phát bệnh có những chứng về phế như phát sốt, hơi sợ gió, lạnh, miệng hơi khát.

Nguyên nhân do cảm phải độc tà phong nhiệt của mùa xuân hoặc mùa đông mà gây nên vì mùa xuân khí phong mộc hành bệnh, dương khí bốc lên, khí hậu ấm áp nhiều gió, người nào bẩm thụ kém, tấu lý sơ hở, hoặc vì làm việc, nghỉ ngơi không điều độ dầu dãi trước phong nhiệt sẽ cảm thụ độc tà, mà sinh bệnh. Diệp Thiên Sĩ nói: "Chứng phong ôn là mùa xuân của phái phong tà, phong khí đã ấm (ôn)" tức là chỉ về bệnh này. Nếu đang mùa đông mà khí hậu trái thường, đáng lý rét lại ấm, người nào chính khí kém có thể cảm phải độc tà phong nhiệt mà phát ra bệnh này. Do bệnh này phát sinh ở mùa đông, cho nên gọi tên là đông ôn. Vì thế Ngô Khô An nói "Phàm trời lạnh ấm, gió ấm ẩm quá, cảm phải khí đó tức là tà của phong ôn". Đây cũng đã nói rõ nguyên nhân gây bệnh của phong ôn là ở trong điều kiện "gió ấm ẩm quá" mà hình thành.

Bệnh này lúc mới phát lấy tà ở phế trung tâm bệnh. Vì độc tà ôn nhiệt phần nhiều cảm vào từ thượng bán thân trước vị trí của phế rất cao, tà tất làm tổn thương trước. Bởi vì phế hợp với bì mao, vệ khí thông với phế, vì sao lại là nơi vệ khí phân bố, cho nên độc tà vào phế tất nhiên vệ khí là chỗ xung yếu trước hết, mà xuất hiện ra chứng hậu về phế vệ khí là phát sốt sợ gió, ho, hơi khát nước. Nếu tà ở phế và không giải được xu hướng phát triển của nó sẽ dẫn đến hai tình huống: một là thuận truyền xuống tâm vị; hai là nghịch truyền sang tâm bào. Diệp Thiên Sĩ nói: "Ôn tà cảm thụ ở trên đầu tiên phạm vào phế, nghịch truyền sang tâm bào "không chỉ rõ bệnh biến của bệnh phong ôn khí mới phát mà còn vạch ra qui luật diễn biến của nó nữa. Phàm nhiệt là thuận truyền xuống vị phần nhiều hiện rõ dấu hiệu Dương minh nhiệt thịnh, nếu nhiệt tà ở dương minh không được thanh giải kịp thời, thường dễ vào sâu đến hạ tiêu, làm tổn hại phần âm của can thận mà thành chứng hậu thực tà ít hư nhiều, ôn tà nghịch truyền sang tâm bào, thì tất thấy những chứng hậu về thần chí như mê man nói sảng. Ngoài ra trong quá trình diễn biến dễ biến, dễ phát ra chứng sởi, và xuất hiện

những chứng kinh quyết động phong đàm nóng, suyễn cấp, đó cũng là một trong những đặc điểm của bệnh này.

Chữa bệnh phong ôn, khi mới phát hiện tà còn ở phế vệ nên dùng phép "tân lương tuyên giải" để đuổi tà ra ngoài, nếu tà truyền vào phân khí thì nên dùng phép "tân hàn thanh nhiệt", hoặc "khổ hàn công hạ", nếu là hãm vào tâm bào thì tất phải "thanh tâm khai khiếu". Diệp Thiên Sĩ đã nói ở trong "Tam thời phục khí ngoại cảm thiên" rằng: "Chúng này lúc đầu phát sốt, ho trước dùng thuốc thanh lương để làm dịu mát thượng tiêu,... nếu sắc xanh, nhiệt thẳng, phiền khát dùng Thạch cao. Trúc diệp tân hàn thanh tán, chứng sởi cũng nên chữa theo cách này", nếu số ngày nhiều dần, tà không giải được thì bài Cẩm Liên hương cách cũng nên sử dụng đến khí nhiệt tà nghịch truyền vào Đản trung, hôn mê mắt mờ, mũi không chảy nước, các khiếu muốn bế tắc, thể bệnh nguy cấp, tất phải dùng Chí bảo đan hoặc Ngưu hoàng thanh tâm hoàn. Còn dư nhiệt sau khi bệnh đã bớt chỉ nên dùng thuốc Cam làm thanh dưỡng vị âm là đủ. Về cách chữa từng giai đoạn trong quá trình phát triển của bệnh này trình bày cụ thể sau:

II. BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ

2.1. Tà xâm vào phế vệ

2.1.1. Phong ôn lưu ở biểu

a. *Chứng hậu*: Phát sốt, hơi sợ gió lạnh, không mồ hôi hoặc ít mồ hôi, nhức đầu, ho, hơi khát nước, rêu lưỡi mỏng trắng, mạch phù sắc.

b. *Cơ chế bệnh*: Bệnh phong ôn mới phát, tà xâm nhập vào phần biểu, vệ khí bị uất, mất chức năng mở đóng, cho nên thấy những chứng phát sốt, hơi sợ gió lạnh, không mồ hôi hoặc ít mồ hôi, đầu nhức, rêu lưỡi mỏng trắng. Vệ khí thông với phế, vệ khí uất trở, thì phế không tuyên thông, cho nên ho. Tính chất của tà phong ôn thuộc nhiệt, lúc mới phát bệnh tà còn ở phần vệ, cho nên mạch phần nhiều phù sắc. Tà phong ôn hoá nhiệt rất nhanh, dễ hao tổn tân dịch, cho nên mới mắc bệnh thì cảm thấy hơi khát nước, nhưng so với chứng khát nhiều uống luôn của chứng lý nhiệt quá thịnh thì khác nhau. Những chứng phát sốt, hơi sợ gió lạnh không mồ hôi hoặc ít mồ hôi, nhức đầu, ho, rêu lưỡi mỏng trắng của chứng này, hơi tương tự với chứng ngoại cảm phong hàn, nhưng phong hàn ở phần biểu, phát sốt nhẹ hơn mà sợ gió lạnh lại nặng hơn và lại không khát nước, mạch phần nhiều phù hoãn hoặc phù khẩn còn phong ôn ở phần biểu thì phát sốt nặng hơn, sợ gió lạnh nhẹ hơn, hơi khát nước, mạch phần nhiều phù sắc, cho nên biện chứng của hai bệnh này được phân biệt rõ ràng.

c. *Pháp chữa*: Phàm khí tà còn ở ngoài cơ biểu thì tất cả cách chữa đều nên dùng thuốc tân tán để khu trừ ngoại tà. Chứng này đã thuộc tà lưu ở vệ biểu tất nhiên phải dùng thuốc tân ôn thích hợp với chứng phong hàn ở phần biểu, chứng này là phong nhiệt lưu ở phần biểu tất nhiên phải dùng thuốc tân lương. Thiên Chí Chân yếu đại luận sách "Tố vấn" nói: "Phong khí lan tràn ở trong, chữa bằng thuốc tân lương là bằng thuốc khổ cam, dùng thuốc ngọt để làm hoà hoãn" cũng tức là ý này. Nếu dùng nhầm thuốc tân ôn thì biểu tà chưa chắc đã giải được, mà

nhiệt tà lại tăng thêm. Chứng này dùng Ngân kiều tán, tức là có ý dùng tân để giải biểu, lương để thắng nhiệt.

d. Bài thuốc: Ngân kiều tán (ôn bệnh điều biện).

Liên kiều	40g	Đạm đầu sị	20g
Bạc hà	24g	Cát cánh	24g
Kinh giới tuệ	16g	Cam thảo	20g
Ngân hoa	40g	Ngưu bàng tử	24g
Trúc diệp	16g		

Các vị trên tán nhỏ mỗi lần uống 6 đồng cân sắc với Rễ lau tươi khi thấy hơi thơm bốc lên thì rót ra uống, chớ nên sắc quá mức, thuốc chữa phế cần lấy trong nhẹ, sắc quá mức thì vị đậm mà dẫn vào trung tiêu. Bệnh nặng 2 giờ uống 1 lần, ngày uống 3 lần, đêm uống 1 lần; bệnh nhẹ thì 3 giờ uống 1 lần, ngày uống 3 lần, đêm uống 1 lần. Bệnh chưa khỏi thì nên uống thêm thang nữa.

Ngô Cúc Thông nói: "Chữa ở thượng tiêu thì cần như lông, không nhẹ thì không cất lên được". Cho nên bài này lấy thuốc nhẹ trong tuyên đạt để tuyên thông tà ở phế vệ. Trong bài có Kinh giới tuệ, Đạm sị, Bạc hà, giải biểu phát hãn, đuối tà ra ngoài, Ngưu bàng, Cam thảo, Cát cánh, nhẹ nhàng tuyên thông phế khí để trừ ho, Liên kiều, Ngân hoa, Trúc diệp thanh nhiệt làm chủ, mà hơi kiêm thuốc tân ôn, cho nên Ngô Cúc Thông gọi nó là Tân lương bình tế", dùng vào chứng phong nhiệt lưu ở phần biểu mà sợ lạnh không mồ hôi là rất thích hợp. Nếu sợ lạnh rồi thì Kinh giới. Đạm sị cũng không nên dùng nữa. Nếu bệnh nhân không tiện dùng thuốc tán mà rút bớt đi, thời gian sắc thuốc cũng không nên lâu quá. Sau bài có chép cách tùy chứng gia giảm nên tham khảo.

- Kiêm có uế trọc ngăn trở ở phần khí, mà tức ngực thì gia thêm Hoắc hương, Uất kim để lấy thơm tho trừ uế, thông lợi khí cơ.
- Vì ôn nhiệt đốt tân dịch mà khát nước nhiều, thì gia thêm Thiên hoa phấn để sinh tân thanh nhiệt.
- Kiêm ôn tà ghé độc mà cổ sưng họng đau, thì gia Ngưu bàng tử, Huyền sâm để giải độc tiêu thũng.
- Vì phế khí không giáng xuống ho nhiều khá nặng, nên gia Hạnh nhân để tuyên lợi phế khí.
- Vì nhiệt thương tổn dương lạc mà nạo huyết nên bỏ Kinh giới, Đạm sị là thuốc tân ôn hay sợ nhiệt, gia những vị Bạch mao căn, Trắc bá đốt thành than, Chi tử đốt thành than để làm mát phần dinh, cầm máu.
- Nếu nhiệt dẫn vào lý mà hại tới phần dinh, thì gia Sinh địa nhỏ củ, Mạch đông để thanh nhiệt tư dưỡng phần dinh.
- Nếu nhiệt làm hao tổn tân dịch mà tiểu tiện ngắn, nên gia Tri mẫu, Hoàng cầm, Chi tử khổ hàn và Mạch đông, Sinh địa là thuốc cam hàn để thanh nhiệt dưỡng âm.

2.1.2. Phong tà xâm phạm vào phế

a. Chứng hậu: Chỉ ho, mình không nóng lắm, hơi khát nước.

b. Cơ chế bệnh: Chứng này là chứng hậu phong ôn xâm phạm vào phế, cảm phải tà khí nhẹ hơn, cũng là chứng thấy của bệnh phong ôn mới bắt đầu. Vì bệnh thể nhẹ hơn, trọng tâm của cơ chế bệnh là ở phế, phế khí không tuyên thông được cho nên biện chứng lấy ho làm chủ yếu. Còn các chứng khác như phát sốt, khát nước đều nhẹ hơn.

c. Pháp chữa: Thể của chứng này nhẹ hơn, cho nên chữa nó nên tân lương thấu biểu. Dùng bài Tang cúc ẩm là rất thích hợp.

d. Bài thuốc: Tang cúc ẩm (ôn bệnh điều biện).

Hạnh nhân	8g	Liên kiều	6g
Bạc hà	7g	Tang diệp	8g
Cúc hoa	4g	Cát cánh	8g
Cam thảo	8g	Lô căn	8g

Bài này thuộc tân lương kinh tế. Thuốc dùng Tam diệp, Cúc hoa, Liên kiều, Bạc hà, tân lương nhẹ thấu biểu để tiết phong nhiệt, Cát cánh, Cam thảo, Hạnh nhân tuyên khai phế khí để chỉ ho, Lô căn để sinh tân, chỉ khát. Phương này với Ngân kiều tán đều là phương tân lương, cho nên hai bài đều thích dùng với chứng phong nhiệt lưu ở phần biểu, nhưng trong Ngân kiều tán có Kinh giới, Đậu sị hợp vào trong thuốc tân lương, cho nên gọi là tân lương bình tế. Vả lại lượng thuốc nhiều hơn, sức giải biểu mạnh hơn, Tang cúc ẩm phần nhiều là thuộc tân lương, và lượng thuốc nhẹ hơn, cho nên gọi là tân lương kinh tế, sức giải biểu của phương này kém hơn Ngân kiều tán.

Sau bài có chép cách tùy chứng gia giảm nên tham khảo thêm.

- Kiêm nhiệt vào phần khí mà hơi thở to như suyễn gia Thạch cao, Tri mẫu để thanh nhiệt ở phần khí.

- Kiêm nhiệt vào phần dinh mà lưỡi đỏ, về chiều sốt nhiều hơn, gia Tê giác, Huyền sâm để thanh dinh tiết nhiệt.

- Nếu nhiệt vào phần huyết, nên bỏ Bạc hà, Lô căn, gia Mạch đông, Sinh địa nhỏ củ, Ngọc trúc, Đan bì. Vì nhiệt vào phần huyết, biểu tà đã nhẹ, cho nên không cần dùng Bạc hà để thấu biểu, nhiệt vào phần huyết, phần nhiều không khát nước, cho nên bỏ Lô căn là thuốc sinh tân chỉ khát, phần huyết có nhiệt, cho nên dùng những vị Mạch đông, Sinh địa, Ngọc trúc, Đan bì để thanh nhiệt ở phần huyết.

- Nếu phế nhiệt hơn, nên gia Hoàng cầm để thanh phế nhiệt.

- Nếu nhiệt tổn thương tân dịch mà khát nước nên gia thêm Thiên hoa phấn để thanh nhiệt sinh tân.

2.2. Nhiệt vào phần khí

2.2.1. Nhiệt uất ở lồng ngực.

a. Chứng hậu: Minh nóng, tâm phiền bứt rứt, nằm ngồi không yên, rêu lưỡi vàng.

b. Cơ chế bệnh: Đây là biểu chứng đã giải, nhiệt tà vào lý, quấy rối phần lý ở

lồng ngực, uất mà không thông, cho nên thấy chứng mình nóng, tâm phiền bứt rứt, nằm ngồi không yên. Nhưng chứng này tà tuy truyền vào lý mà lý không nóng lắm, chưa đến nổi nhiệt thịnh tổn hại đến tân dịch, cho nên rêu lưỡi chỉ lộ ra hơi vàng mà không có chứng lưỡi khô, miệng khát.

c. Phép chữa: Cần thanh tuyên thấu nhiệt, đưa tà ra ngoài, nên dùng Chi tử sị thang rất là đúng chứng. Bài này dùng Chi tử thanh nhiệt, Đậu xị tuyên uất đạt biểu, hợp lại để thanh tuyên nhiệt ở trong ngực. Nếu biểu tà chưa hết, nên gia Bạc hà, Ngưu bàng tử để giải biểu thấu tà, tân dịch hao, miệng khát, nên gia Thiên hoa phấn để sinh tân thanh nhiệt.

2.2.2. Nhiệt tà làm bế tắc phế khí.

a. Chứng hậu: Mình nóng, phiền khát, mồ hôi ra, ho suyễn, mạch sắc, rêu lưỡi vàng.

b. Cơ chế bệnh: Chứng này là tà của phong ôn hoá nhiệt vào lý, nhiệt làm bế tắc phế khí mà gây nên. Đã hoá nhiệt vào lý cho nên mình nóng mà không sợ lạnh, rêu lưỡi cũng từ trắng chuyển thành vàng. Lý nhiệt bốc, tân dịch tổn hao, cho nên mồ hôi ra mà khát nước cũng nhiều hơn. Tổng hợp các chứng trên mà xét thì cơ chế bệnh là nhiệt làm bế tắc phế khí so với chứng phong ôn mới phát, là ở phế vệ có phân biệt rõ ràng.

c. Phép chữa: Nhiệt tà làm bế tắc phế khí cần phải thanh tuyên nhiệt tà ở trong phế, phế khí được tuyên giáng, cho nên cần dùng Ma hạnh thạch cam thang để thanh tuyên phế nhiệt mà dẹp cơn suyễn.

d. Bài thuốc: Ma hạnh cam thạch thang (thương hàn luận)

Ma hoàng	12g	Chích thảo	12g
Hạnh nhân	12g	Thạch cao	16g

Phương này dùng Ma hoàng, Hạnh nhân tuyên thông phế khí, Thạch cao thanh tiết nhiệt tà, Cam thảo điều hoà các thuốc. Hợp lại cùng thành công hiệu thanh tuyên phế nhiệt. Ma hoàng tân ôn, vốn là thuốc phát hãn giải biểu, Thạch cao tân hàn, chuyên thanh nhiệt ở phần khí của Dương minh nhưng hai thứ này phối hợp với nhau thì tác dụng của Ma hoàng lại không ở phát hãn giải biểu, mà chủ yếu là ở tuyên phế định suyễn, Thạch cao phối hợp với Ma hoàng thì không phải thanh nhiệt ở Dương minh mà lại là tiết nhiệt tà ở trong phế. Vì thế phương này tuy cũng thuộc loại thuốc tân lương tuyên thấu, nhưng tác dụng chủ yếu là tuyên phế thấu nhiệt mà không phải giải biểu, so với những Ngân kiều tán, Tang cúc ẩm, tân lương giải biểu là khác nhau.

2.2.3. Đàm nhiệt ngăn trở phế, phủ có nhiệt kết

a. Chứng hậu: Sốt cơn, đại tiện bí, thở dốc không yên, đờm bị ngưng trệ, mạch hữu thốn thực đại.

b. Cơ chế bệnh: Sốt cơn, đại tiện bí, là chứng có Dương minh phủ thực, nhiệt uất ở phế, nung đốt tân dịch hoá đờm, phá mất chức năng túc giáng, khí ngực lên thành suyễn, đàm nhiệt ngăn trở phế, do đó mạch hữu thốn thực đại. Phế với đại trường là tương quan biểu lý với nhau, phế khí không giáng xuống thì phủ khí

cũng không dễ đi xuống vì phủ nhiệt kết không thông thì nhiệt tà ở trong phế cũng ít cơ hội tiết ra ngoài, cho nên chứng này tà ở phế với đại trường là làm hậu quả lẫn nhau.

c. Phép chữa: Nên tuyên phế hoá đàm, tiết nhiệt công hạ. Và đàm nhiệt ngăn trở phế, tự nhiên phải thanh hoá, phủ có nhiệt kết, lại cần nên công hạ.

Nếu không chiếu cố cả hai mặt, thì bệnh tà khó thanh trừ được, bài Tuyên bạch thừa khí thang là bài thuốc đúng chứng.

d. Bài thuốc: Tuyên bạch thừa khí thang (ôn bệnh điều biện)

Sinh thạch cao	7g	Sinh đại hoàng	12g
Hạnh nhân phấn	8g	Qua lâu bì	4g

Nước 5 chén, sắc lấy 2 chén, nước uống 1 chén, nếu chưa khỏi thì uống lần nữa.

Bài này lấy ý nghĩa của hai bài Bạch hổ, Thừa khí mà biến chế ra. Trong bài dùng Thạch cao để thanh nhiệt cả nhiệt ở phế, vệ, Hạnh nhân, Qua lâu bì tuyên giáng phế khí, hoá đàm định suyễn, Đại hoàng công hạ phủ thực. Cho nên bài này là một bài thuốc thanh tuyên phế nhiệt, thông giáng phủ khí chữa chung cả trên lẫn dưới.

2.2.4. Đàm nhiệt kết hung (ở ngực)

a. Chứng hậu: Mặt đỏ, mình nóng, khát muốn uống nước lạnh, ngực bụng tức đầy, ấn vào đau nhức, buồn nôn, đại tiện bí, rêu lưỡi vàng trơn, mạch hồng hoạt.

b. Cơ chế bệnh: Mặt đỏ mình nóng, khát muốn uống nước lạnh, là nhiệt thịnh ở lý, ngực bụng đầy tức ấn vào đau. Nhức là triệu chứng đàm nhiệt kết hung, đó là mấu chốt để biện chứng của chứng này. Buồn nôn, đại tiện bí là đàm nhiệt ngăn trở ở trong mà vị khí được đưa ngược lên, mất chức năng thông giáng. Rêu lưỡi vàng trơn, mạch hồng hoạt, cũng là dấu hiệu đàm nhiệt ngăn trở ở trong. Chứng này mặt đỏ, mình nóng, khát muốn uống nước lạnh, tựa như chứng Dương minh nhiệt vô hình càng thịnh, nhưng rêu lưỡi vàng trơn mà không phải vàng khô, và có cảm giác ngực bụng tức đầy, thì rõ rệt không phải hiện tượng Dương minh kinh chứng. Trong đó đại tiện bí kết, tựa như chứng Dương minh phủ thực, nhưng chứng phủ thực, đại tiện bí kết, tất thấy sốt cơn hoặc bụng rắn đầy đau nhức, nay đại tiện bí mình nóng mà bụng không rắn đau, vả lại rêu lưỡi cũng không vàng dây khô ráo, mạch cũng không trầm thực, thì biết không phải là chứng phủ thực, đại tiện bí. Lại chính đàm nhiệt kết hung này với chứng đàm nhiệt ngăn trở phế, vị trí bệnh tuy cũng ở thượng tiêu, mà cơ chế bệnh và chứng thể hiện thì tuyet đối khác nhau.

Chứng đàm nhiệt ngăn trở phế tất ảnh hưởng đến sự tuyên giáng của phế khí, cho nên ho suyễn, ho đờm là chứng tất yếu phải có, kết hung là đàm nhiệt kết ở ngực bụng mà tà không ở phế, cho nên chứng này lấy ngực bụng đầy tức làm chủ yếu.

c. Phép chữa: Chữa chứng này nên dùng Tiểu hãm hung gia chỉ thực thang để thanh nhiệt hoá đàm khai kết. Vì đàm với nhiệt kết lại với nhau. Nếu không thanh nhiệt tà không trừ, không hoá đàm thì đàm trọc không tiêu, lại cần phải có thuốc khai kết, mới làm cho đàm nhiệt phân giải được.